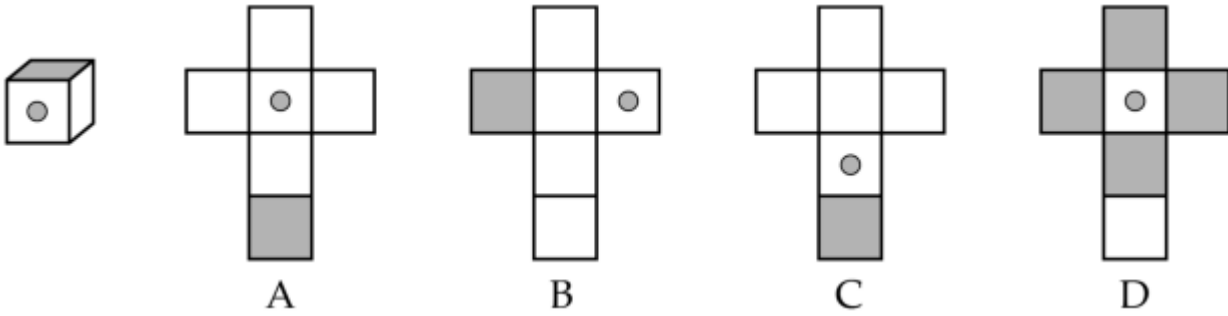


HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

ĐỀ 2

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Theo em, mảnh bìa nào có thể gấp thành hình lập phương đã cho?

**Phương pháp**

Quan sát khối lập phương đã cho để chọn tấm bìa thích hợp.

Lời giải

Miếng bìa C có thể gấp thành hình lập phương đã cho.

Đáp án: C

Câu 2. Tỉ số phần trăm nào biểu diễn phân số $\frac{3}{80}$

- A. 3,65 % B. 3,75 % C. 37,5 % D. 36,5 %

Phương pháp

Tìm thương của 3 và 80 rồi nhân kết quả tìm được với 100%.

Lời giải

$$\frac{3}{80} = 0,0375 = 3,75\%$$

Đáp án: B

Câu 3. Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm $5\ 080\ \text{cm}^3 \dots\dots 5,08\ \text{dm}^3$:

- A. > B. < C. = D. Không xác định được

Phương pháp

Áp dụng cách đổi $1\ \text{dm}^3 = 1\ 000\ \text{cm}^3$

Lời giải

$$5\ 080\ \text{cm}^3 = 5,08\ \text{dm}^3$$

Đáp án: C

Câu 4. Một bánh xe lăn 200 vòng được một đoạn đường dài 942 m. Đường kính của bánh xe đó là?

- A. 0,75 m B. 1,5 m C. 2,355 m D. 4,71 m

Phương pháp

- Tìm độ dài đoạn đường khi bánh xe lăn 1 vòng
- Độ dài đoạn đường khi bánh xe lăn 1 vòng = chu vi bánh xe
- Đường kính bánh xe = Chu vi : 3,14

Lời giải

Độ dài đoạn đường khi bánh xe lăn 1 vòng là: $942 : 200 = 4,71$ (m)

Đường kính bánh xe là: $4,71 : 3,14 = 1,5$ (m)

Đáp án: B

Câu 5. Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 2,4 giờ = phút

- A. 90 phút B. 120 phút C. 160 phút D. 144 phút

Phương pháp

Áp dụng cách đổi: 1 giờ = 60 phút

Lời giải

2,4 giờ = 2,4 giờ x 60 phút = 144 phút

Đáp án: D

Câu 6. Tuấn Sơn một cái hộp hình lập phương có chu vi đáy là 24 dm. Diện tích toàn phần của chiếc hộp đó là:

- A. 144 dm² B. 216 dm² C. 96 dm² D. 288 dm²

Phương pháp

1. Tìm độ dài cạnh của chiếc hộp = chu vi đáy : 4
2. Diện tích toàn phần của chiếc hộp đó là: cạnh x cạnh x 6

Lời giải

Độ dài cạnh của chiếc hộp là $24 : 4 = 6$ (dm)

Diện tích toàn phần của chiếc hộp đó là $6 \times 6 \times 6 = 216$ (dm²)

Đáp án: B**II. TỰ LUẬN**

Câu 1. Đặt tính rồi tính

5 giờ 45 phút + 3 giờ 20 phút

32 ngày 14 giờ - 28 ngày 6 giờ

13 phút 7 giây x 4

16 giờ 48 phút : 2

Phương pháp

- Đặt tính rồi tính như với phép tính số tự nhiên.
- Khi tính sau mỗi kết quả ta phải ghi đơn vị đo tương ứng.
- Nếu số đo thời gian ở đơn vị bé có thể chuyển đổi sang đơn vị lớn thì ta thực hiện chuyển đổi sang đơn vị lớn hơn.

Lời giải

$$\begin{array}{r} 5 \text{ giờ } 45 \text{ phút} \\ + \\ 3 \text{ giờ } 20 \text{ phút} \\ \hline \end{array}$$

$$8 \text{ giờ } 65 \text{ phút} \quad (65 \text{ phút} = 1 \text{ giờ } 5 \text{ phút})$$

Vậy $5 \text{ giờ } 45 \text{ phút} + 3 \text{ giờ } 20 \text{ phút} = 9 \text{ giờ } 5 \text{ phút}$

$$\begin{array}{r} 13 \text{ phút } 7 \text{ giây} \\ \times \\ \hline \end{array}$$

$$52 \text{ phút } 28 \text{ giây}$$

$$\begin{array}{r} 32 \text{ ngày } 14 \text{ giờ} \\ - \\ 28 \text{ ngày } 6 \text{ giờ} \\ \hline \end{array}$$

$$4 \text{ ngày } 8 \text{ giờ}$$

$$\begin{array}{r} 16 \text{ giờ } 48 \text{ phút} \\ \times 2 \\ \hline 0 \text{ giờ } 48 \text{ phút} \\ \hline 8 \text{ giờ } 12 \text{ phút} \\ \hline \end{array}$$

$$0$$

Câu 2. Điền số thích hợp vào chỗ trống:

a) Một khu đất có diện tích là $1\,250\text{m}^2$. 36% diện tích khu đất đó là m^2 .

b) Lãi suất tiết kiệm là 0,6% một tháng. Một người gửi tiết kiệm 45 000 000 đồng thì sau một tháng tiền lãi nhận được là: đồng.

Phương pháp

Muốn tìm giá trị phần trăm của một số, ta lấy số đó chia cho 100 rồi nhân với số phần trăm.

Lời giải

a) Một khu đất có diện tích là $1\,250\text{m}^2$. 36% diện tích khu đất đó là $1\,250 : 100 \times 36 = \mathbf{450\text{m}^2}$.

b) Lãi suất tiết kiệm là 0,6% một tháng. Một người gửi tiết kiệm 45 000 000 đồng thì sau một tháng tiền lãi nhận được là $45\,000\,000 : 100 \times 0,6 = \mathbf{270\,000}$ đồng.

Câu 3. Điền số thích hợp vào chỗ trống.

a) $25\,009\text{ cm}^3 = \dots\dots\dots \text{ dm}^3$

b) $3,52\text{ m}^3 = \dots\dots\dots \text{ dm}^3$

c) $6,17\text{ m}^3 = \dots\dots\dots \text{ cm}^3$

d) $24\text{dm}^3\,450\text{ cm}^3 = \dots\dots\dots \text{ dm}^3$

Phương pháp

Áp dụng cách đổi $1\text{dm}^3 = 1\,000\text{ cm}^3$; $1\text{ m}^3 = 1\,000\text{ dm}^3$

Lời giải

a) $25\,009\text{ cm}^3 = \mathbf{25,009\text{ dm}^3}$

b) $3,52\text{ m}^3 = \mathbf{3\,520\text{ dm}^3}$

c) $6,17\text{ m}^3 = \mathbf{6\,170\,000\text{ cm}^3}$

d) $24\text{dm}^3\,450\text{ cm}^3 = \mathbf{24,45\text{ dm}^3}$

Câu 4. Một bể cá bằng kính dạng hình hộp chữ nhật (bể không có nắp) với chiều dài 80 cm, chiều rộng 30 cm, chiều cao 50 cm.

a) Tính diện tích kính làm bể cá đó.

b) Hiện tại mức nước trong bể cao 0,3 m. Hỏi trong bể chứa bao nhiêu lít nước. ($1\text{dm}^3 = 1\text{ lít}$)

Phương pháp

a) Diện tích xung quanh bể cá = (chiều dài + chiều rộng) x 2 x chiều cao

Diện tích đáy = chiều dài x chiều rộng

Diện tích làm kính = Diện tích xung quanh bể cá + diện tích mặt đáy

b) Đổi 0,3 m, 80 cm, 30 cm sang đơn vị dm

Thể tích nước trong bể = chiều dài x chiều rộng x chiều cao mực nước

Lời giải

a) Diện tích xung quanh bể cá là:

$$(80 + 30) \times 2 \times 50 = 11\,000 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Diện tích đáy bể là:

$$80 \times 30 = 2\,400 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Diện tích kính làm bể cá đó là:

$$11\,000 + 2\,400 = 13\,400 \text{ (cm}^2\text{)}$$

b) Đổi 0,3 m = 3 dm, 80 cm = 8 dm, 30 cm = 3 dm

Lượng nước trong bể là:

$$8 \times 3 \times 3 = 72 \text{ (dm}^3\text{)} = 72 \text{ (lít)}$$

Đáp số: a) 13 400 cm²

b) 72 lít